

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 13 - 12 - 2022  
V/v tranh chấp: “Chia tài sản thuộc  
sở hữu chung và tài sản sau khi ly  
hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: +Bà Hoàng Thị Thơ;

+Ông Huỳnh Văn Ngoan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Chia tài sản thuộc sở hữu chung và tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 137/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 303/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1981 (vắng);

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979; (có mặt);

Địa chỉ: Số A L, Phường F, thành phố M, Tiền Giang.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 03/7/2021).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1 - sinh năm: 1977 (vắng);

Bà Trần Thị H2, sinh năm 1951(vắng);

Cùng ngụ: ấp B, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981(có mặt);

Địa chỉ: Số B Đ, Khu phố I, Phường E, thành phố M, Tiền Giang (Theo Giấy uỷ quyền ngày 15/3/2022).

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **\*Theo án sơ thẩm:**

*-Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Lê Thị P là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Chị P và anh H1 chung sống như vợ chồng từ năm 1997, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2009 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 293/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2020 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình chung sống, anh chị đã tạo lập được các tài sản sau:

- Một căn nhà cấp 4, diện tích 40m<sup>2</sup>; kết cấu cột xi-măng, vách tường, mái tole, nền gạch bông, gạch ốp tường và công trình gắn liền với ngôi nhà là hàng hiên. Căn nhà được anh chị xây cất vào năm 2001 với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Giá trị còn lại tương ứng với số tiền 300.000.000 đồng.

- Các tài sản gắn liền với đất gồm: 05 cây dừa loại B1, 12 cây dừa loại B2, 02 cây mai chân thủy (07 năm tuổi), 01 cây vú sữa (07 năm tuổi), 350 cây bưởi da xanh loại D.

Căn nhà và các tài sản gắn liền với đất được xây dựng và trồng trên thửa đất số 388 và thửa đất 732 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01394 QSD/1302QĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/7/1997 cho bà Trần Thị H2 đứng tên quyền sử dụng đất. Khi còn sống chung với mẹ chồng, bà H2 có hứa cho vợ chồng chị P 1.800m<sup>2</sup> đất nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung mà để anh chị tự thỏa thuận. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 11/12/2020 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, anh H1 có viết giấy cam kết khi nào bán được 1.800m<sup>2</sup> đất nêu trên thì cho lại chị P 01 tỷ đồng để cất nhà cho mẹ con chị P làm nơi sinh sống. Sau khi ly hôn, bà H2 và anh H1 đã âm thầm bán toàn bộ tài sản trên mà không cho chị P hay. Khi người mua đất phá nhà và chặt bỏ cây trồng, chị P có biết và có báo chính quyền địa phương nhưng do chị P báo miệng và không am hiểu pháp luật nên địa phương không có lập biên bản. Đồng thời, sau khi bán đất, bà H2 và anh H1 cũng không đưa tiền cho chị P theo cam kết ngày 11/12/2020.

Nay chị P yêu chia đôi số tài sản trên gồm ngôi nhà trị giá 300.000.000 đồng; 350 cây bưởi da xanh và 17 cây dừa với tổng số tiền là (300.000.000 đồng + 263.840.000 đồng): 2 = 281.920.000 đồng. Do các tài sản trên do anh H1 và bà H2 đã bán cho người khác nên chị P yêu cầu anh H1 và bà H2 hoàn lại cho chị P số tiền 281.920.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn đề ngày 15/8/2022, chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu:

- Chia ½ giá trị căn nhà và cây trồng trên đất với số tiền là 275.500.000 đồng. Cụ thể: Căn nhà trị giá 300.000.000 đồng, 08 cây dừa trị giá 1.100.000

đồng/cây x 08 cây = 8.800.000 đồng và 350 cây bưởi da xanh trị giá 350 cây x 692.000 đồng/cây = 242.200.000 đồng.

- Rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với 02 cây mai và 01 cây vú sữa.

- Chia đôi chi phí tổ tụng với số tiền là 4.000.000 đồng: 2 = 2.000.000 đồng.

*-Đại diện uỷ quyền của bị đơn Nguyễn Văn H1 và Trần Thị H2 là anh Nguyễn Hoàng A trình bày:*

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là có căn nhà cấp 4 và số cây trồng trên phần đất cấp cho bà Trần Thị H2 đứng tên. Tuy nhiên, căn nhà này là do bà H2 bỏ chi phí xây dựng để cho anh H1, chị P ở. Giá trị xây dựng ban đầu với số tiền bao nhiêu thì bà H2 không nhớ rõ vì đã quá lâu, tuy nhiên không phải 600 triệu đồng như nguyên đơn trình bày. Anh H1 và chị P không có đóng góp trong việc tạo lập căn nhà trên.

Anh H1 thống nhất với chị P về số lượng cây trồng trên gồm 10 cây dừa và 01 cây vú sữa do anh H1 trồng, tuy nhiên số cây trồng này đã chết, không còn khi chị P và anh H1 ly hôn.

Đối với 02 cây mai chôn thối là do bà Trần Thị H2 trồng, tuy nhiên 02 cây mai trên đã chết trước khi anh H1 và chị P ly hôn.

Đối với 350 cây bưởi da xanh, số cây trồng này là do bà Trần Thị H2 mua về để trồng và giao lại cho anh H1 chăm sóc, lợi nhuận của cây bưởi sẽ chia đôi cho anh H1 và bà H2. Toàn bộ các cây trồng trên đều được trồng trên thửa đất số 388 và thửa đất 732 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01394 QSD/1302QĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/7/1997 cho bà Trần Thị H2 đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi anh H1 và chị P ly hôn, bà H2 đã chuyển nhượng một phần của thửa đất số 388 và thửa đất 732 cho anh Trần Huy H3 với diện tích là 1950.6m<sup>2</sup>. Phần đất mà bà H2 chuyển nhượng cho anh Trần Huy H3 có căn nhà cấp 4 và các cây trồng kể trên. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh H3 có thông báo chị P bằng điện thoại, chị P vẫn không có ý kiến gì và đã lên chở các vật dụng trong nhà về bên gia đình chị P. Do đó, nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

\* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 137/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 16, 29 và 33 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 219 và Điều 357 Bộ luật dân sự;

#### Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P đối với bà Trần Thị H2, anh Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 cây mai và 01 cây vú sữa.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P đối với bà Trần Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1.

Buộc anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Lê Thị P  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung với số tiền là 191.150.500 đồng (Một trăm chín mươi một triệu một trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

\* Ngày 22/08/2022, bị đơn Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị P.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H1 làm trong hạn luật định nên được hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung kháng cáo, hội đồng xét xử xét thấy:

**2.1. Đối với ngôi nhà:**

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hoàng A thống nhất trình bày ngôi nhà cấp 4 được xây dựng vào năm 2001 trên đất của bà Trần Thị H2 với diện tích 40m<sup>2</sup> có kết cấu cột xi-măng, vách tường, nền gạch bông, gạch ốp tường. Tháng 12/2020, khi anh H1 và chị P ly hôn thì căn nhà trên do anh H1 quản lý, sử dụng. Tháng 6/2021, anh H1 phá bỏ căn nhà trước khi bà H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Tại thời điểm chị P khởi kiện thì ngôi nhà không còn, nên không thể tiến hành thẩm định, định giá.

Anh H1 cho rằng ngôi nhà do bà H2 bỏ chi phí ra xây dựng và cho vợ chồng anh H1 ở nhờ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Chị P cho rằng ngôi nhà do chị và anh H1 bỏ tiền ra xây dựng, sửa chữa với chi phí khoảng 600.000.000 đồng nhưng anh H1 không thừa nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận sau khi nhà được xây xong thì anh H1, chị P cùng sử dụng, bà H2 sinh sống trên phần đất khác, không sử dụng ngôi nhà này cùng với vợ chồng anh H1. Mặt khác, tại “Đơn yêu cầu xác định hiện trạng căn nhà tranh chấp” đề ngày 28/6/2021 của chị P, có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện nội dung trong thời kỳ hôn nhân, chị P và anh H1 có xây dựng một ngôi nhà bán kiên cố diện tích 40m<sup>2</sup> trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị H2, vào ngày 25-27/6/2021, anh H1 đã đập phá toàn bộ ngôi nhà như lời trình bày của chị H (đại diện ủy quyền của chị P) là có căn cứ. Do đó, có đủ cơ sở xác định ngôi nhà là tài sản thuộc sở hữu chung của anh H1 và chị P và việc chị P khởi kiện yêu cầu anh H1 phải chia đôi giá trị còn lại của ngôi nhà cho chị P là phù hợp pháp luật.

Về giá trị sử dụng còn lại của ngôi nhà hai bên thừa nhận sau khi ly hôn ngôi nhà do anh H1 quản lý, sử dụng và anh H1 đã đập bỏ nên không còn trên thực tế để định giá. Vì vậy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lời trình bày của các đương sự để tính giá trị còn lại của ngôi nhà là 135.000.000 đồng, đồng thời buộc anh H1 phải hoàn lại  $\frac{1}{2}$  giá trị của ngôi nhà cho chị P với số tiền 67.500.000 đồng là có căn cứ phù hợp pháp luật. Anh H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh H1, nên yêu cầu kháng cáo của anh H1 đối với ngôi nhà không được hội đồng xét xử chấp nhận.

## *2.2. Đối với cây trồng trên đất:*

Đại diện ủy quyền của chị P cho rằng quá trình chung sống, anh H1 và chị P có trồng 08 cây dừa và 350 cây bưởi da xanh trên đất của bà Trần Thị H2, chứng cứ chứng minh là lời khai của chị Đỗ Thị C, là người mà chị P cho rằng chị và anh H1 đã thuê chị C trồng số cây này.

Đại diện ủy quyền của anh H1 cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng anh H1 có trồng 10 cây dừa nhưng số cây này đã chết sau khi anh H1 và chị P ly hôn, còn 350 cây bưởi da xanh là do bà Trần Thị H2 bỏ tiền ra mua cây giống và giao cho anh H1 chăm sóc, lợi nhuận chia đôi cho anh H1 và bà H2. Sau khi anh H1 và chị P ly hôn, do không chăm sóc nên số cây trên đã chết gần hết hoặc không cho lợi nhuận, vì vậy khi bà H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Duy H4, thì anh Nguyễn Duy H4 đã yêu cầu chặt bỏ để san lấp mặt bằng. Tại thời điểm Tòa án tiến hành thẩm định, định giá tài sản tranh chấp thì chỉ còn 08 cây dừa loại B2 và 05 cây bưởi da xanh loại D, anh H4 đồng ý chia đôi giá trị của 08 cây dừa và 05 cây bưởi này cho chị P. Xét thấy yêu cầu của anh H4 là có căn cứ, phù hợp pháp luật, bởi lẽ:

Tại biên bản lấy lời khai của chị Đỗ Thị C, chị C trình bày cách nay khoảng 5-6 năm anh H4 và chị P có thuê chị C trồng dừa và bưởi trên phần đất bà Trần

Thị H2 nhưng trồng với số lượng bao nhiêu và số cây này thuộc sở hữu của ai thì chị C không rõ.

Anh Trần Huy H3 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị H2 trình bày khi anh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà H2 thì trên đất không có nhà, chỉ có dừa và bưởi nhưng không rõ số lượng, cỏ mọc um sùm do không có ai chăm sóc, sau khi nhận chuyển nhượng anh tiến hành san lấp mặt bằng, hiện trên phần đất anh nhận chuyển nhượng chỉ có 02 cây dừa loại B1; 02 cây dừa loại B2.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp và kết quả định giá tài sản thể hiện trên phần đất còn lại của bà H2 có 03 cây dừa loại B1; 10 cây dừa loại B2; 05 cây bưởi loại D.

Anh H3 thừa nhận tài sản chung của vợ chồng có 08 cây dừa loại B2 trị giá 8.560.000 đồng và 05 cây bưởi da xanh trị giá 3.460.000 đồng, tổng cộng 12.020.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc anh H3 phải hoàn trả cho chị P  $\frac{1}{2}$  giá trị của 345 cây bưởi không có trên thực tế là không phù hợp pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh H3. Vì vậy, hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh H3, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc chia giá trị cây trồng nêu trên, ghi nhận việc anh H3 đồng ý chia cho chị P  $\frac{1}{2}$  giá trị của cây trồng là 6.010.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị P được chia là (67.500.000 đồng + 6.010.000 đồng) = 73.510.000 đồng.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng bản án sơ thẩm buộc anh H3 phải chia cho chị P số tiền 191.150.500 đồng là không có căn cứ; Án sơ thẩm không áp dụng án lệ số 03/2016/AL đã được Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và không xem xét trách nhiệm liên đới của bà Trần Thị H2 khi nguyên đơn có yêu cầu là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử lại vụ án theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, chị P yêu cầu bà Trần Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung cho chị P. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị P đối với bà Trần Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1; buộc anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Lê Thị P  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung với số tiền 191.150.500 đồng nhưng không nhận định vì sao không buộc bà H2 có trách nhiệm liên đới là có thiếu sót. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm chị P không có kháng cáo nên hội đồng xét xử không xem xét. Trong vụ án này, các đương sự chỉ tranh chấp tài sản chung là nhà và cây trồng trên đất, không tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị H2, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng án lệ số 03/2016/AL để giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Xét thấy, những thiếu sót của cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục, làm rõ tại phiên tòa, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần nội dung có một phần phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận một phần,

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị P và anh H1 mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 3.675.500 đồng.

Do sửa án nên anh H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 16, 29, 33 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 210, 219 và Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H1.

Sửa một phần bản án Hôn nhân sơ thẩm số 137/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

#### **Xử:**

1. 1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P đối với bà Trần Thị H2, anh Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 cây mai và 01 cây vú sữa.

1. 2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P đối với bà Trần Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1.

Buộc anh Nguyễn Văn H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị P  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung với số tiền là 73.510.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, năm trăm mười ngàn đồng), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Lê Thị P  $\frac{1}{2}$  chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2/- Án phí:

Chị Lê Thị P phải chịu 3.675.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị P đã nộp tạm ứng án phí 8.750.000 đồng theo biên lai số 0004780 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại

số tiền tạm ứng án phí là 5.074.500 đồng (Năm triệu, không trăm, bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 3.675.500 đồng (Ba triệu, sáu trăm, bảy mươi lăm ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho anh Nguyễn Văn H1 theo biên lai thu số 0022564 ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thu Thủy**